

## LỜI DẪN

Cho tới nay, các danh-từ toán được dùng trong các sách giáo-khoa viết bằng tiếng Việt mà chúng tôi được biết, thường là các danh-từ lấy trong tập Danh-từ Khoa-Học (Toán, Lý, Hóa, Cơ, Thiên-văn) của Hoàng-xuân-Hãn. Trong các sách giáo-khoa kể trên, một vài danh-từ cũng đã biến-dạng đôi chút so với danh-từ trong tập Danh-từ Khoa-học của Hoàng-xuân-Hãn. Nhưng nói chung, sau một thời-gian dài được dùng tại các trường Trung-học, các danh-từ toán giới-hạn trong bậc trung-học với chương trình hiện-hành, đã tạm đầy đủ và có đôi phần thống-nhất.

Tuy nhiên, trong các tập danh-từ khoa-học đã xuất-bản mà chúng tôi được biết, ngay cả đến số danh-từ căn-bản thuộc môn toán-học cổ-diễn, bậc đại-học, đôi khi cũng không thấy được phiên-dịch hoặc phiên-âm, ấy là chưa kể đến các danh-từ thuộc môn toán-học cận-đại. Nên chi bất-cứ ai diễn-giảng toán-học bằng tiếng Việt tại bậc đại-học cũng đã gặp nhiều bối rối và khó khăn.

Trong việc soạn-thảo các giảng-khoa toán-học bằng tiếng Việt cho sinh-viên, các nhân-viên giảng-huấn trường Đại-Học Khoa-Học Saigon đã thường, hoặc dùng các danh-từ dưới dạng nguyên-thủy trong các tập danh-từ kể trên, hoặc dùng chúng dưới dạng biến-đổi, hoặc tìm cách đặt các tiếng mới để phiên-dịch các ý toán-học. Chúng tôi đã lựa chọn và thu góp một số danh-từ mà chúng tôi xét là cần-thiết cho

việc giảng dạy toán-học hiện-thời tại nước nhà. Kết quả là một tập danh-từ mà phòng Toán-học thuộc Đại-Học Khoa-Học Saigon cho quay ronéo vào kỳ nghỉ hè niên-khóa 1962-1963. Chúng tôi đã dùng thử các danh-từ này trong các giảng-khoa toán-học bằng tiếng Việt của các chứng-chỉ dự-bị thuộc Đại-Học Khoa-Học Saigon trong niên-khóa 1963-1964 để tìm kiếm các danh-từ không tiện-lợi ngõ hầu thay thế chúng bằng các danh-từ thích-ứng khác. Và cuối cùng, chúng tôi mạo muội cho in tập danh-từ toán này trong khuôn-khổ một bộ DANH-TỪ KHOA-HỌC do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản.

### CÁC NGUYÊN-TẮC PHIÊN-DỊCH

1. Mỗi ý toán-học phải có một danh-từ riêng cho nó. Nếu trong tiếng Pháp một chữ có thể chỉ hai ý khác nhau thì chúng tôi cố gắng tìm hoặc đặt ra đủ hai danh-từ khác nhau để chỉ hai ý ấy. Thí dụ chữ *algèbre* được dịch tách-bạch là *đại-số-học* (môn học) và *đại-số-hệ* (cơ-cấu).

2. Dùng trước hết những chữ đã có, hoặc tiếng gốc Nho hoặc tiếng thông-thường, trong việc phiên-dịch các danh-từ không có sự mâu-thuẫn quá đáng với ý toán-học tương-ứng. Thí dụ chữ *converger* đã có tiếng *hội-tụ* để dịch một cách trọn nghĩa rồi, chúng tôi cứ giữ nguyên như vậy. Ta vẫn thường dùng các chữ *biến-số*, *hàm-số*, *chỉ-số* để dịch các chữ *variable*, *fonction*, *indice*. Chính ra trong ba ý trên, trong trường-hợp tổng quát, không nhất thiết phải có «số» (nombre) thành thử nếu dùng *biến-số*, *hàm-số*, *chỉ-số* thì chỉ là dùng trong một trường-hợp riêng. Tuy nhiên vì lý do quen dùng và cũng vì nguyên-tắc 2 này chúng tôi cũng giữ nguyên các chữ ấy.

3. Danh-từ phải gọn. Trong việc lựa chọn những danh-từ đã có hoặc ghép các tiếng gốc Nho hoặc tiếng thông thường cho một ý toán-học, chúng tôi rất quan-tâm đến nguyên-tắc này.

4. a) — Dùng các tiếp-đầu-ngữ nhất-định. Thí-dụ như chúng tôi đã dùng *á*, *bán* cho *quasi*, *semi* rồi thì *quasi-topologique* và *semi-norme* được tuần-tự dịch là *á-vị-tướng* và *bán-chuẩn*.

b) — Nay ta xét một thí-dụ. Chữ *compact* (*a*) được dịch là *áp-súc* vậy các chữ *compactification*, *compactifié* phải được dịch bằng các tiếng gọi lại chữ *áp-súc*. Chúng đã được dịch lần lượt là *sự áp-súc-hóa* và *phần áp-súc-hóa*. Trong các trường-hợp khác, chúng tôi cũng cố theo nguyên-tắc ẩn-tàng trong thí-dụ trên.

Theo 4. a), b) đôi khi, có một vài điều bất tiện chẳng hạn có lúc các tiếng gốc Nho lại ghép với các tiếng thông thường nhưng sự tiện-lợi rất lớn. Nhờ a) và b) ta có thể một phần nào đưa các danh-từ thành một hệ-thống.

5. Dùng các dấu gạch nối để tránh các sự hiểu lầm lúc hành-văn về sau này.

### CÁC QUY-ƯỚC PHIÊN-ÂM

1. Cũng như các nhà làm danh từ đi trước, chúng tôi phải thu-nhận vào Việt-ngữ một số các phụ-âm, các vần kép của Pháp-ngữ và chỉ dùng chúng riêng cho việc phiên-âm mà thôi.

*Các phụ âm f, j, w, z.*

Tuy tiếng Việt đã có hai phụ-âm kép *ph* và *gi* tương-đương với *f* và *j* nhưng vì những lý-do mà chúng tôi sẽ nêu lên ở quy-ước 3) — chúng tôi cũng cần đến các phụ-âm *f* và *j*. Trong các chữ phiên-âm, *d* sẽ được đọc như phụ-âm *đ* của tiếng Việt.

*Tất cả các phụ âm kép bl, br, cl, cr, dl, dr, v.v.*

*Các vần xuôi ce, ci (đọc là xe, xi) và các vần xuôi do các phụ âm f, j, w, z.*

*Tất cả các vần ngược ab, ad. af, al, v.v.*

2. Vần cuối *eur* được phiên-âm là *o* : *tenseur, tenso*

» » *ique* » » » *ic* : *p-adique, p-adic*

» » *ithme* » » » *it* : *logarithme, logarit*

3. Chúng tôi thường cố giã các chữ phiên-âm sao cho chúng vừa giản-dị vừa không khác-biệt các chữ nguyên-thủ của Pháp quá. Do quy-ước này :

a) Các chữ phiên-âm được viết liền nhau. Dấu gạch nối không dùng trong các chữ phiên-âm. Thí-dụ chữ *Moment* được phiên-âm thành *momen*. Dĩ-nhiên nếu chữ nào của tiếng Pháp đã có sẵn dấu gạch nối thì trong chữ phiên-âm chúng tôi cũng để nguyên dấu gạch nối. Thí-dụ chữ *p-adique* được phiên-âm thành *p-adic*.

b) Chữ nào của tiếng Pháp có phụ-âm *f* hay *j* thì trong tiếng phiên-âm chúng tôi cũng để nguyên các phụ-âm ấy mà không thay bằng các phụ-âm tương-đương *ph* hay *gi* của tiếng Việt. Đó là bởi hai lẽ, trước tiên do quy ước 3) sau nữa do lý-do tiện lợi ; như vậy chữ *affine* được phiên âm thành *afin*.

c) Các chữ *e* câm ở vần cuối và các vần *ce, re, se...* ở cuối cùng được bỏ đi. Thí-dụ các chữ *lemniscate, divergence, mètre, ellipse* được phiên-âm thành *lemniscat, divergen, met, elip*.

Tương-tự, nếu hai phụ-âm đứng liền nhau thì chúng tôi, thường bỏ một. Thí-dụ chữ *lattis* được phiên-âm thành *lati* chữ *ellipse* thành *elip* chứ không thành *ellip*.

d) — Tất cả dấu của chữ Pháp đều được bỏ đi. Riêng *ç* được coi như chữ *c* trong các chữ phiên-âm. Thí-dụ các chữ *limaçon, hectomètre, paraboloïde* được phiên-âm thành *limaçon, hectomet, paraboloid*.

e) — Các chữ như là *taylorien*, *hilbertien* được phiên âm thành *Taylor*, *Hilbert*.

## CÁCH DÙNG

Các danh-từ Pháp được sắp theo thứ-tự thường có của các quyền tự-vị và đồng thời được đánh số.

Các số thứ-tự là để dùng cho bảng đối chiếu Việt-Pháp. Muốn tìm chữ Pháp tương-ứng với phép đồng-hình, độc-giả chỉ cần tra chữ đồng-hình trong bảng đối- chiếu là sẽ tìm thấy H64 : đó chính là số ứng với chữ *homomorphisme* trong tập danh-từ.

Chúng tôi hy-vọng rằng tập danh-từ này sẽ góp một phần nhỏ trong việc thống-nhất các danh-từ và bổ-khuyết một phần nào các thiếu sót của các tập danh-từ đã xuất-bản. Hẳn là trong tập danh-từ này còn có chỗ thiếu-sót hoặc sai lầm. Dám mong rằng độc-giả sẽ cho chúng tôi biết những điều sơ-sốt có thể có, để tập danh-từ này sẽ hoàn-bị hơn trong một kỳ tái bản tới.

Đó là một sự hân-hạnh cho chúng tôi và một điều may mắn cho việc áp-dụng chuyên-ngữ Việt tại các trường Đại-Học vậy.

Chúng tôi xin cảm ơn tất cả những vị đã theo dõi và giúp ý-kiến trong việc soạn-thảo tập danh-từ này. Đặc-biệt là quý ông Nguyễn-Chánh và Võ-thế-Hào đã đọc bản thảo và cho biết một vài khác-biệt giữa một số danh-từ của tập này và các danh-từ đã dùng trong các giảng-khoa Toán tại Trung-Tâm Kỹ-Thuật Phú.Thọ.

TIÊU-BAN TOÁN-HỌC

## SÁCH THAM - KHẢO

I.— CÁC SÁCH GIÁO-KHOA thông-dụng Việt, Pháp, Anh, Mỹ, về toán-học bậc Trung-học và Đại-học.

II.— TỰ-ĐIỂN :

Đào-duy-Anh :

Hán-Việt tự-điển. *Trương-Thị, Saigon, 1957*

Pháp-Việt tự-điển. *Trương-Thị, Saigon 1957*

Thanh-Nghị :

Tự-điển Việt-Nam. *Thời-Thế, Saigon, 1958*

Pháp-Việt tân tự-điển minh-họa  
*Thời-Thế, Saigon, 1958*

Larousse du XX<sup>e</sup> siècle : *en 6 tomes, Larousse, Paris.*

*Mathematics Dictionary edited by GLENN JAMES and Robert C. JAMES, D. Van Nostrand N.Y. 1949.*

Đào-Đặng-Vỹ :

Pháp-Việt tự-điển. *Khai-Tri, Saigon, 1955*

Đào-văn-Tập :

Tự-điển Pháp-Việt. *Vĩnh-Bảo, Saigon, 1950*

III.— CÁC TẬP DANH-TỪ :

Danh-từ Khoa-Học (Toán, Lý, Hóa, Cơ  
Thiên-văn)

*Hoàng-xuân-Hãn, Trương-Thị,  
Saigon, 1959*

Danh-từ Toán-Lý Viện Đại-Học Huế  
*(in ronéo) 1961*

## NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

a.	:	<i>adjectif</i>
adv.	:	<i>adverbe</i>
f.	:	<i>nom féminin</i>
loc. adv.	:	<i>locution adverbiale</i>
m.	:	<i>nom masculin</i>
v.	:	<i>verbe</i>
Xch.	:	<i>xem chữ</i>